

THÍ NGHIỆM LIÊN TƯỢNG VÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU Ý NGHĨA CỦA TỪ

ĐINH VĂN THIÊN

Đại học Sư phạm - ĐHQG Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học ngày càng đi vào thế giới vi mô để tìm hiểu các cấu trúc bề sâu ngữ nghĩa của các tổ chức bề mặt của ngôn ngữ như của từ, ngữ, câu, phát ngôn, và văn bản, không phải chỉ trong trạng thái tĩnh mà còn là trong trạng thái động, động trong quá trình hành chức của nó. Nhìn vào loại lược đồ này của sự phát triển khoa học ngôn ngữ ta thấy ngôn ngữ học ngày càng không thể tách rời tâm lý học, điều mà nhiều nhà ngôn ngữ học tâm lý học từ thế kỷ XIX đều đã quan tâm tới. Đặc biệt đối với loại đơn vị từ ngữ lại càng được các nhà ngôn ngữ học tâm lý quan tâm, chú ý nhiều hơn. Cho nên bên cạnh phương pháp phân tích thành tố phương pháp miêu tả và một số phương pháp có tính chất cổ điển khác, để nghiên cứu ý nghĩa của từ, người ta đã tiến hành các thí nghiệm liên tưởng từ ngữ từ nửa cuối thế kỷ XIX. Khuynh hướng nghiên cứu này được phát triển một cách mạnh mẽ trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, và đã đạt được những thành tựu khả quan nếu không nói là to lớn.

2. Quá trình hình thành và phát triển phương pháp thí nghiệm liên tưởng

Thí nghiệm liên tưởng từ ngữ có nguồn gốc từ những thủ pháp cổ nhất của tâm lý học thực nghiệm từ những thí nghiệm về tính tương liên trong nghiên cứu tâm lý. Vào năm 1879, *Xê Fren xix Gal-* tôn nhà bác học người Anh cùng người em họ của ông, *Da - Uyn* là những người đầu tiên thử tiến hành thực nghiệm liên tưởng. Ông đã chọn 75 từ, rồi viết mỗi từ lên một tấm phiếu riêng và không đụng đến chúng một vài ngày. Sau đó ông cầm từng tấm phiếu một và xem xét chúng. Ông bấm giờ theo đồng hồ bấm giây bắt đầu từ lúc mắt ông dừng lại ở một từ, và kết thúc lúc từ vừa được đọc gọi lên ở ông hai ý nghĩa khác nhau. Ông ghi lại hai ý nghĩa đó đối với mỗi từ trong bảng, nhưng ông đã từ chối việc công bố kết quả này. Ông chỉ nói “chúng bộc lộ bản chất tư duy của con người với một sự rõ ràng đến kỳ lạ và cũng mở toang cái kết cấu tư duy một cách thật sinh động và đáng tin cậy, mà ta vị tất sẽ giữ lại được, nếu đem công bố chúng và biến chúng thành thành tựu của thế giới” (*Đzordz Miller* - ngôn ngữ và giao tiếp - 1951. Dẫn theo *Xlobin và Grin* trong “Ngôn ngữ học tâm lý” trang 139 bản tiếng Nga, nhà xuất bản “Tiến bộ”, Matxcowva. 1976).

Đã có cả một kho tư liệu về những công trình thí nghiệm liên tưởng từ ngữ của các

nhà tâm lý, các nhà ngôn ngữ trong suốt một thế kỷ qua. Trước hết phải kể đến Tumb và Mapbe với chuyên khảo “Thí nghiệm liên tưởng tâm lý học” (Lei peig, 1901) mà đến nay vẫn còn có ý nghĩa tích cực. Sự kiện quan trọng tiếp theo là sự ra đời của cuốn “Từ điển chuẩn liên tưởng” đầu tiên của G.H. Kent và A.J Rosanoff bao gồm 100 từ đặc biệt, do các tác giả chọn. “Từ điển chuẩn liên tưởng” của Kent và Rosanoff được xây dựng trên cơ sở các thí nghiệm liên tưởng tự do bao gồm 1000 nghiệm viên là người lớn tuổi với 100 từ kích thích. Từ điển này đã gợi ý cho sự ra đời hàng loạt từ điển liên tưởng không chỉ trên tư liệu tiếng Anh mà còn bằng tư liệu tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ba Lan, tiếng Tiệp, tiếng Hà Lan, tiếng Kiêc ghi di, Kazaxtan, Udobe kitxtan, Belorút, (Dẫn theo Léonchép A.A. trong cuốn “Từ điển chuẩn liên tưởng tiếng Nga” Nxb, Mátxcova 1977). Cuốn “Từ điển chuẩn liên tưởng tiếng Nga của Léonchép có một qui mô lớn hơn, bao gồm 196 từ kích thích, thường được tiến hành trên 600 đến 700 nghiệm viên thuộc lứa tuổi từ 16 đến 50 với rất nhiều nghề nghiệp khác nhau, trình độ học vấn đang học đại học hoặc đã tốt nghiệp đại học. Từ điển của Tiến sĩ Léonchép có thể coi là một nguồn từ liệu vô cùng giá trị đối với các nhà ngôn ngữ học, tâm lý học, ngôn ngữ học tâm lý, thậm chí đối với cả các nhà ngôn ngữ học xã hội ... Tiếp đó, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như : “Các nguyên tắc Minesota hoàn chỉnh các câu trả lời đối với 100 từ, từ thí nghiệm liên tưởng của Kent và Rosanoff (W. A. Russell và J.J. Jenkins, 1954), “Phương pháp đo đặc ngữ nghĩa” (của C. Osgood, 1957), “sự tập trung liên tưởng trong trí nhớ của các từ ở các tần số xuất hiện khác nhau” (của W.A. Bousfield, B.U. Cohen và G.A. Whitmarch, 1958), “Sự liên tưởng từ và tiếp nhận ngữ pháp trong sự phát triển ở trẻ em” (của R. Brown và J. Berko, 1960), “Sự biến đổi theo lứa tuổi trong các yếu tố xác định của sự liên tưởng từ” (của S.M. Ervin, 1961), “Cấu trúc của ý nghĩa liên tưởng” (của Dzeimx Dix, 1962), “Cấu trúc liên tưởng trong ngôn ngữ và tư duy” (của Dzeimx Dix, 1965), “Sự ảnh hưởng của thói quen liên tưởng vào ngữ pháp trong việc học từ” (của Sh. Rosenberg, 1965) và rất nhiều công trình có ý nghĩa lý thuyết của các tác giả như D.x. Palermo, A.A. Léonchép, Stein phelgt, A.P. Baxilevir ...

Ở nước ta, công trình đầu tiên về vấn đề thí nghiệm liên tưởng từ ngữ là bài báo “Thí nghiệm liên tưởng tự do và những liên hệ ngữ nghĩa giữa các từ trong hệ thống tiếng Việt” (Tạp chí Ngôn ngữ số 1 năm 1977, Hà Nội). Bài báo đã từ thực nghiệm thí nghiệm liên tưởng rất công phu mà đề xuất nhiều vấn đề có tính chất lý thuyết về việc nghiên cứu ý nghĩa của từ từ phương pháp tiến hành thí nghiệm liên tưởng.

3. Người ta đã tiến hành thí nghiệm liên tưởng từ ngữ như thế nào ?

Người ta có thể tiến hành thí nghiệm liên tưởng theo hai hướng : hướng liên tưởng tự do và hướng liên tưởng có định hướng trước. Người tiến hành thí nghiệm có thể trao

cho nghiệm viên (những người tham gia trả lời trong thí nghiệm này) từ kích thích do người làm thí nghiệm chọn, giao từng từ hoặc giao toàn bộ từ được chọn. Nghiệm viên theo yêu cầu của người làm thí nghiệm có thể tự do chọn một từ phản ứng đầu tiên hoặc có thể viết tất cả những từ mà nghiệm viên liên tưởng tới, từ cái từ kích thích. Với thí nghiệm liên tưởng định hướng cũng có thể có nhiều cách thức tùy theo yêu cầu của thí nghiệm như điền từ vào trước hoặc ngay sau từ kích thích. Ví dụ : ... mưa, ... nắng, hoặc cho sẵn mẫu so sánh, nghiệm viên điền từ so sánh vào tiếp theo ví dụ : Nắng như ..., mưa như ..., hoặc có thể nghiệm viên được cho sẵn một bảng từ phản ứng, họ chỉ việc chọn ra một từ trong bảng từ cho trước ấy để trả lời vào từ kích thích.

4. Ý nghĩa quan trọng của phương pháp nghiên cứu nghĩa của từ bằng thí nghiệm liên tưởng

4.1. Thí nghiệm liên tưởng không phải chỉ có tác dụng bộc lộ bản chất tư duy của con người và mở toang cái kết cấu của tư duy một cách thật sinh động và đáng tin cậy như Gal-Tôn nói.

4.2. Thí nghiệm liên tưởng nhìn từ trực trực tuyến .

Thí nghiệm liên tưởng quan tâm tới cả các từ phản ứng và cả tần số của chúng. Tần số đóng một vai trò rất quan trọng, nó cho thấy sự tập trung hay phân tán hướng liên tưởng của từ kích thích. Có thể thấy sự liên tưởng từ ngữ bao giờ cũng chịu sự chi phối ít nhất là của 2 cơ chế : cơ chế ngữ nghĩa của từ và cơ chế của hoạt động tâm lý. Hình thành liên tưởng bao giờ cũng phải từ một kích thích nào đó của từ mà trước hết là ý nghĩa. Mà, một từ có thể có nhiều nghĩa, mỗi nét nghĩa lại có thể gọi ra ít nhất một liên tưởng nào đó. Vì thế, trong một thí nghiệm liên tưởng, với một từ kích thích mà các từ phản ứng càng có độ phân tán lớn thì càng chứng tỏ khả năng tiềm ẩn các nét nghĩa lớn. Và ngược lại độ tập trung lớn thì khả năng tiềm ẩn về nghĩa ở từ kích thích thấp. Cho nên có những từ đồng nghĩa mà cũng xuất hiện rất hạn chế trong cặp từ kích thích - phản ứng. Ví dụ từ “xvet” trong tiếng Nga qua thí nghiệm liên tưởng của Lêônchép cho thấy từ phản ứng “xvesenie” có tần số cao hơn hẳn so với từ “Mir”. Đó là do nét nghĩa “Mir” ở “xvet” đã trở nên cũ, nên nó chỉ gọi ra phần lớn liên tưởng tới từ chỉ sự chiếu sáng, từ một từ đồng âm “xvet” với nghĩa là chiếu sáng.

Như vậy trong một từ nhiều nghĩa những ý nghĩa nào càng gần với tâm của vòng tròn ý nghĩa của từ thì càng gọi ra những liên tưởng có độ tập trung lớn. Còn những ý nghĩa nào càng gần biên thì càng có tần số liên tưởng thấp hơn. Nhất là các ý nghĩa chuyển đổi. Ví dụ trước một từ kích thích là từ “bão” mà chúng tôi đã tiến hành thí nghiệm liên tưởng chẳng hạn, trong 37 từ phản ứng thì 34 từ thuộc nhóm chỉ khí tượng vì đó là nét nghĩa cơ bản của từ này. Chỉ có 3 từ chỉ các hiện tượng khác như “bão tố trong lòng”, “tình cảm ào ạt”, “sức mạnh ghê gớm”, trong đó cái ý nghĩa “sức mạnh

ghê gớm” thực ra cũng là ý nghĩa ít nhiều gắn với ý nghĩa chỉ hiện tượng khí tượng. Trong khi đó nhìn vào kết quả thí nghiệm liên tưởng đối với cả nhóm từ chỉ hiện tượng khí tượng thì có tới gần 50% số từ phản ứng thuộc nhóm từ chỉ người với nhiều đặc điểm tính cách, tính tình, trí tuệ, quan hệ xã hội ... Chứng tỏ cái ngoại diên của ý nghĩa của từ “bão” rất hạn chế.

Trong một từ nhiều nghĩa các nét nghĩa khác nhau lại có thể tạo nên những nhóm từ phản ứng khác nhau tùy theo ý nghĩa nào đó của từ kích thích có là cơ bản hay không mà số lượng từ phản ứng nhiều hay ít. Ví dụ trong “Từ điển chuẩn liên tưởng tiếng Anh” của Kent và Rosanoff thì từ kích thích là từ cái “ghế”, với ý nghĩa đồ dùng của từ này đã gọi ra 191 lần với từ cái “bàn”, 127 lần với từ “ghế” nói chung, 38 lần với từ “ghế đầu”, 83 lần với từ chỉ chung “đồ đạc”. Như vậy, có tới 450 lần gọi ra ý nghĩa “đồ dùng” của từ “cái ghế” trong khi đó có 163 lần gọi liên tưởng tới công dụng của loại đồ vật này là dùng để ngồi qua các động từ “ngồi” (108 lần) và danh từ “sự ngồi” (56 lần), ý nghĩa chất liệu là 49 lần và là “gỗ” ... chỉ có 2 trường hợp liên tưởng tới đặc điểm cụ thể và tiêu cực là “gãy”.

Tóm lại, độ tập trung hay phân tán của các từ phản ứng phản ánh khá rõ ràng cơ cấu nghĩa của các từ nhiều nghĩa. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu mà chưa có điều kiện đi sâu vào phân tích được ví dụ những liên tưởng ngược nghĩa như ẩm - khô, đen - trắng, mưa - nắng; những liên tưởng tương tự, những liên tưởng đồng thuộc, phụ thuộc, những liên tưởng bổ sung, những liên tưởng tổng thể - bộ phận, những liên tưởng bởi các từ có cùng gốc cấu tạo (bão tố, bão bùng, bão táp, gió bão ...) v.v... mà chúng tôi đã phân loại.

Về hiện tượng kéo theo.

Tuy nhiên với một thí nghiệm liên tưởng tự do còn phải hết sức chú ý tới hiện tượng liên tưởng kéo theo. Trong một loạt những từ phản ứng có nhiều từ là phản ứng trực tiếp với từ kích thích như với từ kích thích THỎI có các từ “gió”, “con gió”, “vút bỏ”, “nhanh” nhưng còn các từ “nhè nhẹ” “mát mẻ”, “ào ào” có thể là phản ứng kéo theo của từ phản ứng “gió” hoặc “con gió”. Có hiện tượng kéo theo này là do từ “THỎI” (từ kích thích) gọi liên tưởng tới từ “con gió”, “gió”. Sau đó chính từ “gió” hoặc “con gió” lại trở thành từ kích thích một cách hoàn toàn tự nhiên để gọi ra các từ phản ứng khác. Hiện tượng này cho thấy khi xét độ tập trung hay phân tán của liên tưởng ở một từ kích thích nào đó không thể đơn giản chỉ xác định số lượng từ phản ứng nằm trong bao nhiêu trường biểu vật biểu niệm khác nhau là đủ mà còn phải quan tâm tới hiện tượng liên tưởng kéo theo này.

4.3. Thí nghiệm liên tưởng nhìn từ trực tuyến tính.

Trên trục tuyến tính qua thí nghiệm có thể thấy ý nghĩa của từ chi phối rất quyết

định tới khả năng kết hợp của từ với các từ khác. Không nắm được nghĩa của một từ nào đó không thể hình thành một cách chuẩn xác bất kỳ một đoạn lời nói nào mà có sự tham gia của từ đó. Thí nghiệm liên tưởng cho thấy khả năng kết hợp tinh tế của từ tiềm ẩn ở những ý nghĩa mà con người nhận thức được.

Thí nghiệm liên tưởng có thể phát hiện mối quan hệ cú pháp giữa từ kích thích với từ phản ứng hết sức thú vị. Ví dụ từ kích thích “mưa” có các từ phản ứng : rơi, xối, tạt, ... với từ kích thích “bò” có các từ phản ứng : cày, kéo xe ...

4.4. Những liên tưởng gợi ra từ những mối quan hệ âm thanh tạo ra các từ gần âm, đồng âm. Ví dụ : “xvet” (chiều sáng) và “xvet” (quả đất, địa cầu). Nhưng những liên tưởng có tính đồng âm này thường không có hiện tượng liên tưởng kéo theo. Ví dụ với từ “vratr” là bác sĩ có thể gợi ra từ “doktor” và các từ chỉ hoạt động y tế, dụng cụ y tế khác. Nhưng nếu từ kích thích “doktor” gợi ra từ phản ứng diktor (gần âm) với nghĩa phát thanh viên thì quá trình liên tưởng cơ hồ bị dừng lại ở đó không tiếp tục được.

Theo các nhà ngôn ngữ học tâm lý Xô Viết :

Những hiện tượng đồng âm thường thấy ở trẻ em nhiều hơn vì đó phần lớn là những phản xạ có điều kiện, điều kiện âm thanh, ít khi bởi ý nghĩa của từ. Với người lớn những lúc mệt, ốm hoặc bị ma túy đề nặng lên hoạt động của trung tâm vỏ não cũng có hiện tượng tương tự, thường phản ứng với các từ giống nhau về âm thanh mà không từ ý nghĩa.

5. Thí nghiệm liên tưởng và một số thủ pháp giảng dạy ngôn ngữ

- Thí nghiệm liên tưởng có thể gợi ra nhiều vấn đề về các thủ pháp dạy từ cho học sinh kể từ học sinh mẫu giáo, tiểu học trở lên như công trình của Rosenberg (1965).

- Với việc dạy *câu*, thí nghiệm liên tưởng cũng có thể góp phần tích cực đặc biệt ở những thí nghiệm liên tưởng định hướng với chiều tuyến tính.

- Thí nghiệm liên tưởng như trò chơi ngôn ngữ trong dạy vẽ cho học sinh cấp 1, 2 rất thú vị.

- Thủ pháp trắc nghiệm trong lý thuyết giảng dạy ngôn ngữ, cũng có thể xuất phát từ đặc điểm liên tưởng từ ngữ trong tư duy của con người. Vì thế, khi tiến hành trắc nghiệm không thể không quan tâm tới những kết quả thực nghiệm trong thí nghiệm liên tưởng.